

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KÝ VIỆT NAM
MINISTRY OF TRANSPORT
VIETNAM REGISTER
Số (Nº): 25KMC/201000



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

**GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE MÁY CHUYÊN DÙNG NHẬP KHẨU**

(Certificate of conformity from inspection of technical safety quality and environmental
protection for imported transport construction machinery-TCM)

Tình trạng xe máy chuyên dùng (TCM's status): Đã qua sử dụng

Người nhập khẩu (Importer): **CÔNG TY TNHH TÂM MINH NGUYỄN**

Địa chỉ (Address): **Số 60C, Đường số 22 tháng 12, khu phố Lộc Du, Phường Trảng Bàng, Thị Xã Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam**

Loại xe máy chuyên dùng (TCM's type): **Xe lu rung**

Nhãn hiệu (Trade mark): **KOMATSU**

Tên thương mại (Commercial name): **JV06H**

Số khung (Chassis Nº): **JV06H36109**

Nước sản xuất (Production country): **JAPAN**

Số tờ khai hàng hóa nhập khẩu/ngày (Customs declaration Nº/date): **106820611440/20/12/2024**

Số biên bản kiểm tra (Inspection record Nº): **019164/24MC-040/002**

Thời gian/Địa điểm kiểm tra (Inspection date/site): **08/01/2025 / Tỉnh Bình Dương**

Số đăng ký kiểm tra (Registered Nº for inspection): **019164/24MC**

**THÔNG SỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN
(Major technical specification)**

Khối lượng bản thân (Kerb mass):	600	kg
Kích thước bao: Dài x Rộng x Cao (Overall dimensions: L x W x H):	2370 x 650 x 1075	mm
Ký hiệu, loại động cơ (Engine model, engine type):	NFAD6-EKKM2, 4 kỳ, 1 xi lanh	
Loại nhiên liệu (Fuel):	Diesel	
Công suất lớn nhất của động cơ/tốc độ quay (Max. engine output/rpm):	3,7/2200	kW/rpm
Vận tốc di chuyển lớn nhất (Max travelling speed):	4,0	km/h

**THÔNG SỐ KỸ THUẬT ĐẶC TRƯNG
(Special technical specification)**

Lực rung lớn nhất (Max vibration force):	11,8	kN
Biên độ rung (Vibration amplitude):	---	mm
Tần số rung (Vibration frequency):	55	Hz
Số lượng/Kích thước bánh lu trước (Quantity/Front roller size):	01/355x600	-/mm
Số lượng/Kích thước bánh lu sau (Quantity/Rear roller size):	01/355x600	-/mm

Xe máy chuyên dùng đã được kiểm tra và đạt yêu cầu theo quy định của Thông tư số 54/2024/TT-BGTVT, ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

This TCM has been inspected and satisfied with requirements of the Circulars Nº 54/2024/TT-BGTVT issued on November 15th, 2024 by Minister of Ministry of Transport.

Ghi chú (Remarks):

Số động cơ được ghi nhận theo số trên ê tơ kết gắn vào động cơ.

Hà Nội, ngày 14 tháng 01 năm 2025

**Cơ quan chứng nhận
(Certification body)**

TL. CỤC TRƯỞNG

**KT. TRƯỞNG PHÒNG CHẤT LƯỢNG XE CƠ GIỚI
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Hoàng Quân

Ký bởi: Cục Đăng
kiểm Việt Nam
Email: vr@vr.org.vn
Cơ quan: Bộ Giao
thông vận tải
Thời gian:
14/01/2025
16:24:40

Ký bởi: Hoàng Quân
Email:
quanh.vr@mt.gov.vn
Cơ quan: Cục Đăng
kiểm Việt Nam, Bộ
Giao thông vận tải
Thời gian: 14/01/2025
16:24:39

Lưu ý: Giấy chứng nhận này sẽ không còn giá trị nếu chất lượng của phương tiện đã kiểm tra bị ảnh hưởng do vận chuyển, bảo quản, bốc xếp...
Note: This certificate will be expired if quality of the inspected motor vehicle is influenced by carrying, landing, storing, etc...

CQ A 3180134